

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH**
(Đề thi có 04 trang)

**ĐỀ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
LỚP 12 THPT, GDTX LẦN THỨ HAI
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Môn thi: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: (ID: 762241) Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A.** lạnh, ẩm. **B.** nóng, ẩm. **C.** lạnh, khô. **D.** mát mẻ, mưa nhiều.

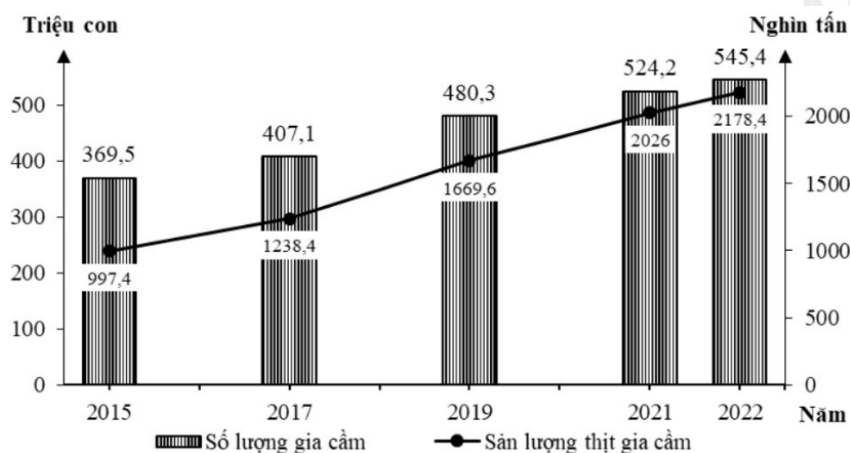
Câu 2: (ID: 762242) Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam nước ta chủ yếu do

- A.** vị trí ở xa xích đạo, Tín phong Đông Bắc, tiếp giáp Biển Đông.
B. nằm ở vùng nội chí tuyến, gió mùa Tây Nam, độ cao địa hình.
C. nằm ở gần vùng ngoại chí tuyến, gió tây nam, lãnh thổ rộng lớn.
D. vị trí gần chí tuyến Bắc, gió mùa Đông Bắc, đầy đủ ba đai cao.

Câu 3: (ID: 762243) Mục đích chủ yếu của việc ứng dụng công nghệ trong ngành công nghiệp khai thác than ở nước ta hiện nay là

- A.** tận dụng triệt để nguồn than phong phú, tăng thu nhập.
B. nâng cao năng suất lao động, giảm tổn thất tài nguyên.
C. sử dụng bền vững tài nguyên, thu hút nguồn vốn đầu tư.
D. thay thế hoàn toàn phương tiện thủ công, nâng cao sản lượng.

Câu 4: (ID: 762244) Cho biểu đồ:



Số lượng gia cầm và sản lượng thịt gia cầm nước ta, giai đoạn 2015 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, nxb Thống kê Việt Nam 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Giai đoạn 2015 - 2022, số lượng gia cầm tăng 1,3 lần.
- B. Số lượng gia cầm tăng, sản lượng thịt gia cầm giảm.
- C. Số lượng gia cầm tăng nhanh hơn sản lượng thịt gia cầm.
- D. Giai đoạn 2015 - 2022, sản lượng thịt gia cầm tăng 2,2 lần.

Câu 5: (ID: 762245) Sản phẩm chuyên môn hóa của vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là

- A. cây lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, thủy sản.
- B. cây công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản nước lợ.
- C. cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc.
- D. cây lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, chăn nuôi.

Câu 6: (ID: 762246) Hoạt động khai thác thủy sản nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung ở các ngư trường.
- B. áp dụng công nghệ pin mặt trời.
- C. đẩy mạnh đánh bắt ven bờ.
- D. chủ yếu đánh bắt ở sông, suối.

Câu 7: (ID: 762247) Hướng phát triển của ngành viễn thông nước ta hiện nay tập trung chủ yếu vào

- A. đẩy mạnh chuyển đổi hạ tầng số, đầu tư vào công nghệ cao, đảm bảo an ninh mạng.
- B. phát triển công nghệ số, hạ tầng viễn thông, tất cả các địa phương đều sử dụng tốt dịch vụ.
- C. hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, hợp tác với các khâu của sản xuất, tăng mạng lưới kết nối.
- D. đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, nâng cao chất lượng lao động, tăng nguồn vốn đầu tư.

Câu 8: (ID: 762248) Điểm giống nhau về khí hậu của Duyên hải Nam Trung Bộ với Tây Nguyên là

- A. mùa hạ có gió phơn Tây Nam.
- B. mùa mưa lùi dần về thu đông.
- C. biên độ nhiệt trung bình năm lớn.
- D. khí hậu có hai mùa mưa, khô rõ rệt.

Câu 9: (ID: 762249) Nước ta có thể thuận lợi giao lưu với các nước trên thế giới là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Ở khu vực giao thoa giữa các nền văn minh lớn.
- B. Nằm hoàn toàn ở bán cầu Bắc và bán cầu Đông.
- C. Ở ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế.
- D. Có nhiều nét tương đồng về lịch sử và văn hóa.

Câu 10: (ID: 762250) Xuất khẩu trái cây nước ta có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây chủ yếu do

- A. khối lượng nông sản lớn, nhu cầu thị trường tăng, vốn đầu tư nước ngoài nhiều.
- B. có chỉ dẫn địa lý rõ ràng, hiệu quả kinh tế cao, thị trường được mở rộng.
- C. diện tích tăng lên, công nghiệp chế biến phát triển, lao động nhiều kinh nghiệm.
- D. thay đổi giống cây trồng, trình độ lao động cao, ứng dụng công nghệ hiện đại.

Câu 11: (ID: 762251) Hoạt động nội thương của nước ta hiện nay

- A. tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
- B. hình thức bán lẻ hàng hóa chưa đa dạng.
- C. ít có sự tham gia của các thành phần kinh tế.
- D. phát triển mạnh ở tất cả các vùng kinh tế.

Câu 12: (ID: 762252) Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay

A. phân bố đều giữa các vùng.

B. nhiều nhất là đô thị loại I và II.

C. tập trung chủ yếu ở miền núi.

D. không gian được mở rộng.

Câu 13: (ID: 762253) Tài nguyên sinh vật nước ta đang bị suy giảm biểu hiện ở

A. một số loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng.

B. nguồn gen sinh vật quý hiếm đang được phục hồi dần.

C. hệ sinh thái rừng nguyên sinh chiếm diện tích lớn nhất.

D. số lượng cá thể các loài động vật, thực vật tăng nhanh.

Câu 14: (ID: 762254) Việc phát triển ngành du lịch ở nước ta đem lại ý nghĩa chủ yếu về mặt xã hội là

A. bảo tồn, phát huy các giá trị tài nguyên.

B. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. đóng góp tích cực vào xuất khẩu tại chỗ.

D. tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư.

Câu 15: (ID: 762255) Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi nước ta hiện nay theo thứ tự giảm dần là

A. từ 65 tuổi trở lên, 15 - 64 tuổi, 0 - 14 tuổi.

B. 15 - 64 tuổi, từ 65 tuổi trở lên, 0 - 14 tuổi.

C. 15 - 64 tuổi, 0 - 14 tuổi, từ 65 tuổi trở lên.

D. 0 - 14 tuổi, 15 - 64 tuổi, từ 65 tuổi trở lên.

Câu 16: (ID: 762256) Đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta hiện nay là

A. sử dụng lực lượng lao động đông đảo.

B. cần không gian sản xuất rộng lớn.

C. sử dụng nhiều nguyên, nhiên liệu.

D. cần lao động trẻ có trình độ chuyên môn.

Câu 17: (ID: 762257) Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ nước ta hiện nay có sự chuyển dịch theo hướng

A. giảm tỉ trọng thành phần kinh tế ngoài nhà nước.

B. hình thành và phát triển các cụm liên kết công nghiệp.

C. tăng tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

D. ưu tiên phát triển ngành có lợi thế về tài nguyên.

Câu 18: (ID: 762258) Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về nguyên nhân làm cho chăn nuôi gia cầm ở nước ta tăng mạnh?

A. Hiệu quả trong chăn nuôi cao và luôn ổn định.

B. Nhu cầu thịt cho tiêu dùng ngày càng tăng lên.

C. Công nghiệp chế biến thức ăn được đẩy mạnh.

D. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: (ID: 762259) Cho thông tin:

Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp nước ta có sự chuyển dịch mạnh mẽ. Hình thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa (kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại) phát triển nhanh. Các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng chuyên canh quy mô lớn được mở rộng và phát triển. Nhiều hình thức sản xuất nông nghiệp mới được hình thành.

a) Nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao là những hình thức sản xuất nông nghiệp đã được hình thành ở nước ta từ rất sớm.

b) Các cây trồng mới có triển vọng hiện nay được ưu tiên chú trọng phát triển ở nước ta là cây dược liệu, cây cảnh, nấm.

c) Hiện nay phân bố sản xuất các vùng nông nghiệp nước ta có sự thay đổi phù hợp với điều kiện sinh thái, dưới sự tác động của khoa học công nghệ và thu hút đầu tư.

d) Để nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp của nước ta hiện nay, giải pháp quan trọng hàng đầu là chuyển đổi sang sản xuất theo chiều rộng, ứng dụng công nghệ cao, phát huy tiềm năng lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

Câu 2: (ID: 762260) Cho bảng số liệu sau:

GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin giai đoạn 2015 - 2021

(Đơn vị: USD/người)

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
Thái Lan	5968,1	6745,5	8001,8	7333,0	7645,3
Phi-lip-pin	3017,5	3134,1	3512,0	3323,6	3552,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, nxb Thống kê Việt Nam 2022)

a) Năm 2021 so với năm 2015, GDP bình quân đầu người của Thái Lan tăng nhanh và nhiều hơn Phi-lip-pin.

b) Để thể hiện GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin giai đoạn 2015 - 2021, các dạng biểu đồ thích hợp là đường, cột.

c) Giai đoạn 2015 - 2021, GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin tăng nhanh và liên tục.

d) Giai đoạn 2019 - 2021, GDP bình quân đầu người của Thái Lan giảm 4,5%, Phi-lip-pin tăng 1,2%.

Câu 3: (ID: 762261) Cho thông tin:

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta qua thành phần sinh vật, biểu hiện chủ yếu ở sự phổ biến của các loài sinh vật nhiệt đới và kiểu hệ sinh thái rừng đặc trưng. Hiện nay, rừng nguyên sinh còn lại không nhiều, phổ biến là rừng thứ sinh với các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa biến dạng khác nhau.

a) Hiện nay, rừng nguyên sinh còn lại rất ít chủ yếu do chuyển sang thành rừng đặc dụng, khai thác quá mức, thiên tai và biến đổi khí hậu.

b) Giải pháp chủ yếu trong bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay là bảo vệ, khoanh nuôi, tăng cường trồng mới, ổn định cuộc sống, xóa bỏ tập quán sản xuất du canh, du cư ở khu vực miền núi.

c) Ở nước ta, hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa biến dạng khác nhau từ rừng gió mùa thường xanh, rừng gió mùa nửa rụng lá, rừng thưa khô rụng lá tới xa van, bụi gai nhiệt đới.

d) Trong giới sinh vật thành phần nhiệt đới chiếm tỉ lệ cao. Thực vật có gần 70%, trong đó điển hình là những cây họ Đậu, họ Vang, họ Dâu tằm, họ Dầu, họ Dẻ, Re.

Câu 4: (ID: 762262) Cho thông tin:

Nước ta có nguồn năng lượng để sản xuất điện phong phú, đa dạng. Công nghiệp sản xuất điện phát triển tương đối sớm, giá trị sản xuất và sản lượng điện tăng liên tục. Cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn có sự thay đổi mạnh mẽ. Hiện nay mạng lưới điện quốc gia đã được hình thành và phát triển.

a) Xu hướng phát triển của ngành điện nước ta là phát triển mạnh nguồn năng lượng điện khí, kiểm soát phát thải khí nhà kính và đảm bảo vững chắc an ninh năng lượng quốc gia.

b) Đường dây tải điện 500 kV Bắc - Nam đã được hình thành và phát triển nhằm khắc phục sự mất cân đối về nguồn điện giữa các vùng và cải thiện chất lượng điện áp.

c) Các nguồn sản xuất điện nước ta bao gồm năng lượng hạt nhân, năng lượng hóa thạch, năng lượng tái tạo và thủy năng.

d) Trong những năm gần đây, giá trị sản xuất và sản lượng điện nước ta tăng liên tục chủ yếu do nhiều nhà máy điện công suất lớn đi vào hoạt động, sản xuất phát triển, mức sống tăng cao.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: (ID: 762263) Năm 2022, tổng sản lượng thủy sản nước ta đạt 9,1 triệu tấn, trong đó tỉ trọng sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm 56,0%. Hãy cho biết năm 2022, sản lượng khai thác thủy sản nước ta đạt bao nhiêu triệu tấn? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: (ID: 762264) Năm 2022, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 731,5 tỉ USD, tỉ lệ xuất nhập khẩu là 103,3%. Hãy cho biết năm 2022, trị giá xuất khẩu của nước ta đạt bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: (ID: 762265) Cho bảng số liệu:

Số dân của nước ta phân theo giới tính năm 2010 và năm 2022

(Đơn vị: Triệu người)

Năm	2010	2022
Nam	43,1	49,6
Nữ	44,0	49,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022 so với năm 2010, tỉ số giới tính của nước ta tăng lên bao nhiêu nam/100 nữ? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 26: (ID: 762266) Năm 2015, sản lượng điện của nước ta đạt 157,9 tỉ kWh, số dân là 91,7 triệu người. Đến năm 2021, sản lượng điện nước ta là 244,9 tỉ kWh, số dân là 98,5 triệu người. Hãy cho biết năm 2021 so với năm 2015, sản lượng điện bình quân theo đầu người của nước ta tăng lên bao nhiêu kWh/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 27: (ID: 762267) Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 28: (ID: 762268) Năm 2022, tổng diện tích rừng nước ta là 14,8 triệu ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 10,2 triệu ha. Hãy cho biết năm 2022, tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên nước ta chiếm bao nhiêu % trong tổng diện tích rừng? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.C	2.D	3.B	4.D	5.C	6.B	7.A	8.D	9.C	10.B
11.A	12.D	13.A	14.D	15.C	16.D	17.B	18.A		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết lạnh, khô; nửa sau mùa đông ở miền Bắc lạnh, ẩm.

Chọn C.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc.

Cách giải:

Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam nước ta chủ yếu do vị trí gần chí tuyến Bắc, gió mùa Đông Bắc, đầy đủ ba đai cao.

- Vị trí gần chí tuyến Bắc: Phần lãnh thổ phía Bắc nằm gần chí tuyến Bắc hơn, do đó chịu ảnh hưởng của các yếu tố tạo ra mùa đông lạnh => xuất hiện sinh vật cận nhiệt. Kết hợp với yếu tố địa hình cao => xuất hiện sinh vật ôn đới.

- Gió mùa Đông Bắc: Gió mùa Đông Bắc mang đến không khí lạnh và khô từ lục địa châu Á, tạo điều kiện cho các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới phát triển.

- Đầy đủ ba đai cao: Phần lãnh thổ phía Bắc có địa hình cao hơn, với đầy đủ ba đai cao: đai nhiệt đới gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi và đai ôn đới gió mùa trên núi. Mỗi đai cao có điều kiện khí hậu và sinh thái khác nhau, tạo nên sự đa dạng sinh học. Phần lãnh thổ phía Nam không có đầy đủ ba đai cao.

Chọn D.

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp khai thác than ở nước ta.

Cách giải:

Mục đích chủ yếu của việc ứng dụng công nghệ trong ngành công nghiệp khai thác than ở nước ta hiện nay là nâng cao năng suất lao động, giảm tổn thất tài nguyên.

- Nâng cao năng suất lao động: Ứng dụng công nghệ giúp tự động hóa nhiều khâu trong quá trình khai thác, giảm sức lao động thủ công, tăng hiệu quả công việc.
- Giảm tổn thất tài nguyên: Công nghệ hiện đại giúp khai thác than một cách chính xác hơn, giảm thiểu lượng than bị bỏ sót hoặc lãng phí.

Chọn B.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Lấy số lượng gia cầm năm 2022 chia số lượng gia cầm năm 2015.

Lấy sản lượng thịt gia cầm năm 2022 chia sản lượng thịt gia cầm năm 2015.

Sau đó lựa chọn đáp án đúng.

Cách giải:

Giai đoạn 2015 – 2022:

- Số lượng gia cầm tăng $545,4/369,5 = 1,5$ lần

- Sản lượng thịt gia cầm tăng $2178/997,4 = 2,2$ lần

=> Giai đoạn 2015 - 2022, sản lượng thịt gia cầm tăng 2,2 lần là nhận xét đúng.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào các thế mạnh và hướng phát triển kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Sản phẩm chuyên môn hóa của vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc.

Chọn C.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thủy sản nước ta.

Cách giải:

Hoạt động khai thác thủy sản nước ta hiện nay áp dụng công nghệ pin mặt trời.

A sai vì hoạt động khai thác thủy sản còn tập trung ở các vùng biển không thuộc ngư trường trọng điểm.

C sai vì hoạt động khai thác thủy sản đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

D sai vì hoạt động khai thác thủy sản chủ yếu đánh bắt ở vùng biển.

Chọn B.

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành bưu chính viễn thông nước ta.

Cách giải:

Hướng phát triển của ngành viễn thông nước ta hiện nay tập trung chủ yếu vào đẩy mạnh chuyển đổi hạ tầng số, đầu tư vào công nghệ cao, đảm bảo an ninh mạng.

B, C, D sai vì tất cả các địa phương đều sử dụng tốt dịch vụ, hợp tác với các khâu của sản xuất, nâng cao chất lượng lao động không phải là hướng phát triển của ngành viễn thông nước ta hiện nay.

Chọn A.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm khí hậu của Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và so sánh.

Cách giải:

Điểm giống nhau về khí hậu của Duyên hải Nam Trung Bộ với Tây Nguyên là khí hậu có hai mùa mưa, khô rõ rệt.

A sai vì Tây Nguyên là vùng đón gió mùa Tây Nam, không chịu ảnh hưởng của hiệu ứng phơn (gió phơn Tây Nam).

B sai đây là đặc điểm của riêng Duyên hải Nam Trung Bộ.

C sai vì cả hai vùng đều có biên độ nhiệt năm nhỏ.

Chọn D.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự phát triển kinh tế ở nước ta.

Cách giải:

Nước ta có thể thuận lợi giao lưu với các nước trên thế giới là do nguyên nhân chủ yếu: ở ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế. Đây chính là ý nghĩa của vị trí địa lí mang tính chiến lược:

Chọn C.

Câu 10 (VD):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: xuất khẩu, tăng mạnh, gần đây.

Xuất khẩu trái cây nước ta có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây chủ yếu do các nguyên nhân như chất lượng nông sản, thị trường, năng suất,...

Cách giải:

Xuất khẩu trái cây nước ta có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây chủ yếu do có chỉ dẫn địa lí rõ ràng, hiệu quả kinh tế cao, thị trường được mở rộng.

- Có chỉ dẫn địa lí rõ ràng:

+ Việc xây dựng và phát triển chỉ dẫn địa lí giúp tăng cường uy tín và giá trị sản phẩm trái cây Việt Nam trên thị trường quốc tế.

+ Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu và mở rộng thị trường.

- Hiệu quả kinh tế cao:

+ Trái cây là một trong những mặt hàng nông sản có giá trị kinh tế cao, mang lại lợi nhuận lớn cho người nông dân và doanh nghiệp.

+ Điều này thúc đẩy việc đầu tư và phát triển ngành trồng trọt và xuất khẩu trái cây.

- Thị trường được mở rộng:

+ Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do với các nước và khu vực trên thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu trái cây.

+ Nhu cầu tiêu thụ trái cây trên thị trường quốc tế ngày càng tăng, đặc biệt là các loại trái cây nhiệt đới của Việt Nam.

Chọn B.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại nước ta (phần nội thương).

Cách giải:

Hoạt động nội thương của nước ta hiện nay tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

B, C, D sai vì hoạt động nội thương ở nước ta hiện nay có hình thức bán lẻ đa dạng (chợ, siêu thị,...); có sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế (Nhà nước, ngoài Nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài); phát triển mạnh ở một số các vùng kinh tế như Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng.

Chọn A.

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào mạng lưới đô thị ở nước ta hiện nay.

Cách giải:

Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay không gian được mở rộng.

Chọn D.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: suy giảm.

Dựa vào sự suy giảm tài nguyên sinh vật ở nước ta.

Cách giải:

Tài nguyên sinh vật nước ta đang bị suy giảm biểu hiện ở một số loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng.

Chọn A.

Câu 14 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: xã hội.

Dựa vào đặc điểm ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

Việc phát triển ngành du lịch ở nước ta đem lại ý nghĩa chủ yếu về mặt xã hội là tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư.

A, B, C sai vì đó là các ý nghĩa về mặt kinh tế.

Chọn D.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta.

Cách giải:

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi nước ta hiện nay theo thứ tự giảm dần là 15 - 64 tuổi, 0 - 14 tuổi, từ 65 tuổi trở lên.

Bảng 6.2. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta giai đoạn 1999 – 2021

(Đơn vị: %)

Năm	1999	2009	2019	2021
Nhóm tuổi				
0 – 14 tuổi	33,1	24,5	24,3	24,1
15 – 64 tuổi	61,1	69,1	68,0	67,6
Từ 65 tuổi trở lên	5,8	6,4	7,7	8,3

(Nguồn: Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, 2009, 2019; Kết quả chủ yếu Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình năm 2021)

Chọn C.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta

Cách giải:

Đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta hiện nay là cần lao động trẻ có trình độ chuyên môn vì đây là ngành công nghiệp công nghệ cao, yêu cầu trình độ lao động cao.

Chọn D.

Câu 17 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: lãnh thổ.

Dựa vào sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở nước ta.

Cách giải:

Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ nước ta hiện nay có sự chuyển dịch theo hướng hình thành và phát triển các cụm liên kết công nghiệp.

A sai vì đây là sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế.

C, D sai vì đây là sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành kinh tế.

Chọn B.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào những khó khăn trong ngành chăn nuôi ở nước ta.

Cách giải:

Hiệu quả trong chăn nuôi cao và luôn ổn định là phát biểu không đúng khi nói về nguyên nhân làm cho chăn nuôi gia cầm ở nước ta tăng mạnh vì khó khăn trong ngành chăn nuôi của nước ta là dịch bệnh, thị trường, vốn đầu tư => Hiệu quả trong chăn nuôi không ổn định.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐĐS	ĐĐSĐ	SĐĐS	SĐSĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm nền nông nghiệp và xu hướng phát triển ngành nông nghiệp ở nước ta hiện nay.

Cách giải:

a) Sai. Các hình thức nông nghiệp này chỉ mới phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, khi Việt Nam chú trọng hơn đến phát triển bền vững và ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Trước đây, sản xuất nông nghiệp chủ yếu dựa vào phương pháp truyền thống.

b) Đúng. Đây là những loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và phù hợp với điều kiện tự nhiên của nhiều vùng miền ở Việt Nam.

c) Đúng. Sự thay đổi này thể hiện rõ trong việc hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

d) Sai. Giải pháp quan trọng hàng đầu là chuyển đổi sang sản xuất theo chiều sâu. Sản xuất theo chiều rộng là việc tăng diện tích canh tác, nhưng hiện nay Việt Nam cần tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng giá trị gia tăng thông qua chế biến, xây dựng thương hiệu, và phát triển thị trường.

Việc ứng dụng công nghệ cao, phát huy tiềm năng lợi thế của từng vùng, từng địa phương là điều rất đúng đắn, và cần phải được thực hiện. Nhưng việc chuyển đổi sang sản xuất theo chiều rộng là sai.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

a) Tăng nhanh/chậm dùng phép chia, tăng ít/nhiều dùng phép trừ.

b) Dựa vào các từ khóa: GDP bình quân đầu người, giai đoạn 2015 – 2021, các dạng biểu đồ thích hợp. Sau đó lựa chọn các dạng biểu đồ thích hợp.

c) Cần xem trong cả giai đoạn 2015 - 2021, GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin có tăng liên tục không.

d) Coi GDP bình quân đầu người của từng quốc gia là 100%, sau đó tính tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người năm 2021 của từng quốc gia theo công thức:

$$\text{Tốc độ tăng trưởng} = (\text{Giá trị năm sau} / \text{Giá trị năm gốc}) * 100$$

Cách giải:

a) Đúng vì năm 2021 so với năm 2015:

- GDP bình quân đầu người của Thái Lan tăng: $7645,3 - 5968,1 = 1676,2$ USD/người; $7645,3/5968,1 = 1,28$ lần

- GDP bình quân đầu người của Phi-lip-pin tăng: $3552,5 - 3017,5 = 535$ USD/người; $3552,5/3017,5 = 1,18$ lần

=> Năm 2021 so với năm 2015, GDP bình quân đầu người của Thái Lan tăng nhanh và nhiều hơn Phi-lip-pin.

b) Đúng, biểu đồ đường và cột đều thể hiện được giá trị của các đối tượng.

c) Sai vì giai đoạn 2019 – 2020, GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin giảm.

d) Đúng vì giai đoạn 2019 – 2021:

- Coi GDP bình quân đầu người năm 2019 của hai quốc gia là 100%

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Thái Lan năm 2021 là: $(7645,3/8001,8) * 100 = 95,5\% \Rightarrow$ GDP bình quân đầu người của Thái Lan giảm: $100 - 95,5 = 4,5\%$.

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Phi-lip-pin năm 2021 là: $(3552,5/3512,0) * 100 = 101,2\% \Rightarrow$ GDP bình quân đầu người của Phi-lip-pin tăng: $101,2 - 100 = 1,2\%$.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm sinh vật nước ta. Lưu ý một số đặc điểm thích nghi của một số loài sinh vật.

Cách giải:

- Sai vì rừng nguyên sinh còn lại rất ít không phải do chuyển sang thành rừng đặc dụng.
- Đúng. Đây là những giải pháp quan trọng và cần thiết để bảo vệ và phát triển rừng ở Việt Nam.
- Đúng. Sự đa dạng của hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa ở Việt Nam thể hiện rõ qua các kiểu rừng khác nhau, phản ánh sự biến đổi của điều kiện khí hậu và địa hình.
- Sai vì ở Việt Nam, cây họ Dẻ phân bố chủ yếu ở các vùng núi cao, nơi có khí hậu mát mẻ, độ ẩm cao (sinh sống nhiều ở vùng khí hậu cận nhiệt, ôn đới), không phải nhiệt đới.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp sản xuất điện ở nước ta

Cách giải:

- Sai vì những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển ngành điện của Việt Nam là phát triển mạnh nguồn năng lượng tái tạo.
- Đúng. Đường dây 500 kV đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải điện năng từ các nguồn phát điện lớn ở miền Bắc và miền Trung vào miền Nam, nơi có nhu cầu tiêu thụ điện cao.
- Sai vì nước ta chưa phát triển năng lượng hạt nhân.
- Đúng. Sự gia tăng nhu cầu điện năng từ sản xuất và sinh hoạt là động lực chính thúc đẩy sự phát triển của ngành điện.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	4	372	1,4	764	2,8	68,9

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Giá trị thành phần = (Tỉ lệ giá trị thành phần * Tổng) / 100

Cách giải:

Tỉ trọng sản lượng khai thác thủy sản của nước ta năm 2022 là : $100 - 56,0 = 44,0\%$.

=> Sản lượng khai thác thủy sản nước ta đạt: $(44,0 * 9,1) / 100 = 4$ triệu tấn

Đáp án: 4

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu = Trị giá xuất khẩu + Trị giá nhập khẩu

$\Rightarrow$ Trị giá nhập khẩu = Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu - Trị giá xuất khẩu

Tỉ lệ xuất, nhập khẩu = (Giá trị xuất khẩu/Giá trị nhập khẩu)*100

$\Rightarrow$ Trị giá xuất khẩu = (Tỉ lệ xuất, nhập khẩu*Giá trị nhập khẩu)/100

Cách giải:

Gọi trị giá xuất khẩu là a

Ta có: Trị giá nhập khẩu = 731,5 - a

Do: Trị giá xuất khẩu = (Tỉ lệ xuất, nhập khẩu*Giá trị nhập khẩu)/100

$\Rightarrow a = [103,5 \cdot (731,5 - a)]/100 \Rightarrow a = 372$ tỉ USD

$\Rightarrow$ Năm 2022, trị giá xuất khẩu của nước ta đạt 372 tỉ USD

Đáp án: 372

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tỉ số giới tính = (Số dân nam/Số dân nữ)*100

Cách giải:

Năm 2022 so với năm 2010, tỉ số giới tính của nước ta tăng lên:

$[(49,6/49,9) \cdot 100] - [(49,9/44,0) \cdot 100] = 1,4$ nam/100 nữ

Đáp án: 1,4

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Sản lượng điện bình quân đầu người = Sản lượng điện/Số dân

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi 157,9 tỉ kWh = 157 900 triệu kWh

244,9 tỉ kWh = 244 900 triệu kWh

Năm 2021 so với năm 2015, sản lượng điện bình quân theo đầu người của nước ta tăng lên:

$(244 900/98,5) - (157 900/91,7) = 764$ kWh/người

Đáp án: 764

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022 là: $(18,6 + 15,3 + 23,1 + \dots + 17/8)/12 = 25,0^{\circ}\text{C}$

Nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau năm 2022 là: $(27,1 + 27,9 + 28,0 + \dots + 26,6)/12 = 27,8^{\circ}\text{C}$

$\Rightarrow$ Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau là:

$$27,8 - 25,0 = 2,8^{\circ}\text{C}$$

Đáp án: 2,8

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Tổng}) \cdot 100$$

Cách giải:

Tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên của nước ta năm 2022 là: $(10,2/14,8) \cdot 100 = 68,9\%$

Đáp án: 68,9